

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN THỐT NỐT
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 28-5-2020
“V/v tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN THỐT NỐT, TP. CẦN THƠ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Kim Hưng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Thanh Hoài.
2. Ông Nguyễn Văn Đông.

- Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Trung Hiếu – Thư ký Tòa án nhân dân quận Thốt Nốt, thành phố Cần Thơ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thốt Nốt, thành phố Cần Thơ tham gia phiên tòa: Bà Đỗ Thị Thùy Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 5 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Thốt Nốt, thành phố Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 91/2020/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 3 năm 2020 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 55/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 5 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông **Tạ Văn N**, sinh năm 1986 (Có mặt)

Địa chỉ: Ấp A, xã B, huyện C, TP. Cần Thơ.

2. Bị đơn: Bà **Phan Thị T T**, sinh năm 1994 (Xin vắng mặt)

Địa chỉ: Khu vực D, phường E, quận F, TP. Cần Thơ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện ngày 25/12/2019 và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Tạ Văn N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Năm 2012, ông và bà Phan Thị T T có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện C, thành phố Cần Thơ nhưng do mâu thuẫn nên đến năm 2014 vợ chồng ly hôn. Đến năm 2017, vợ chồng hàn gắn và đăng ký kết hôn lại theo số đăng ký 76 ngày 21/6/2017 tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện

C. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc không lâu thì tiếp tục phát sinh mâu thuẫn và bà T bỏ đi dù ông nhiều lần khuyên bà trở về nhưng bà T không đồng ý. Nay ông xác định không còn tình cảm với bà T nên yêu cầu ly hôn.

** Bị đơn bà Phan Thị T T trình bày:* Về hôn nhân bà thống nhất giữa bà và ông N có đăng ký kết hôn thư ông N trình bày. Về nguyên nhân mâu thuẫn bà cho rằng do tính tình vợ chồng không phù hợp, ông N không quyết đoán và cha mẹ chồng khó khăn dẫn đến tình cảm vợ chồng phai nhạt. Đến khoảng tháng 08/2017, bà và ông N ly thân cho đến nay. Qua yêu cầu ly hôn của ông N bà đồng ý. Ngoài ra, do bận công việc nên bà yêu cầu được xét xử vắng mặt.

Về con chung: Ông N, bà T thống nhất xác định có 02 con chung tên Tạ Nghi H (nữ), sinh ngày 01/6/2012 và Tạ Ngọc T (nam), sinh ngày 01/3/2018. Từ khi ly thân cho đến nay các con do bà T nuôi dưỡng. Khi ly hôn ông N, bà T thống nhất giao cả hai con chung cho bà T tiếp tục nuôi con, ông N không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà T, ông N xác định không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa: Ông N xác định vợ chồng ly thân từ tháng 08/2017 đến nay. Ông xác định không còn tình cảm với bà T và yêu cầu ly hôn với bà T, không yêu cầu gì khác. Ngoài ra, ông N tự nguyện nộp án phí thay cho bà T.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án và tại phiên tòa hôm nay là đúng theo quy định pháp luật, đồng thời phát biểu quan điểm giải quyết vụ án thư sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận ông Tạ Văn N và bà Phan Thị T T thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Ông bà có hai con chung tên Tạ Nghi H (nữ), sinh ngày 01/6/2012 và Tạ Ngọc T (nam), sinh ngày 01/3/2018. Giao cả hai con cho bà T tiếp tục nuôi dưỡng, ông N không phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng:* Bị đơn bà Phan Thị T T yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bà T.

[2] *Về quan hệ hôn nhân*: Xét quan hệ hôn nhân của ông Tạ Văn N và bà Phan Thị T T là tự nguyện và có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật nên được xem là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống giữa vợ chồng phát sinh mâu thuẫn và ông N có đơn khởi kiện ly hôn đối với bà T nên Tòa án thụ lý xem xét, giải quyết theo thủ tục chung.

[3] Xét yêu cầu ly hôn của ông N, Hội đồng xét xử nhận thấy: Ông N, bà T kết hôn lần đầu năm 2012 nhưng do mâu thuẫn nên vợ chồng ly hôn và kết hôn lại vào tháng 6/2017 nhưng cả hai chung sống đến khoảng tháng 8/2017 thì lại tiếp tục phát sinh mâu thuẫn và ly thân. Qua yêu cầu ly hôn của ông N, bà T đồng ý. Xét vợ chồng có nghĩa vụ yêu thương, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình nhưng nay ông N, bà T xác định không còn tình cảm và cả hai đã ly thân thời gian dài nhưng lại không có biện pháp hàn gắn gia đình cho thấy hôn nhân của ông bà lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể tiếp tục kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử áp dụng quy định tại Điều 55 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 công nhận ông Tạ Văn N và bà Phan Thị T T thuận tình ly hôn.

[4] *Về con chung*: Ông bà có 02 người con chung tên Tạ Nghi H (nữ), sinh ngày 01/6/2012 và Tạ Ngọc T (nam), sinh ngày 01/3/2018. Xét từ khi vợ chồng ly thân các con do bà T nuôi dưỡng và con có nguyện vọng được tiếp tục sống chung với bà T nếu thay đổi người nuôi con có thể ảnh hưởng đến tâm lý của con nên Hội đồng xét xử xét thấy giao cả hai con chung cho bà T tiếp tục nuôi con theo yêu cầu của ông N, bà T là phù hợp. Ngoài ra, xét vấn đề cấp dưỡng nuôi con là nghĩa vụ của cha mẹ, người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, tuy nhiên người được quyền yêu cầu cấp dưỡng không có văn bản yêu cầu ông N thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định nên Hội đồng xét xử không buộc ông N phải cấp dưỡng nuôi con là phù hợp.

[5] *Về tài sản chung và nợ chung*: Ông N, bà T xác định không có nên không đặt vấn đề giải quyết.

[6] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Ông N tự nguyện chịu theo quy định pháp luật.

[7] Xét đề nghị giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa có cơ sở chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Các Điều 28, 35, 39, 147, 228, 266, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;
- Điều 55, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

*** Tuyên án:**

1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Tạ Văn N và bà Phan Thị T T thuận tình ly hôn.

2. Về con chung: Ông bà có hai người con chung tên Tạ Nghi H (nữ), sinh ngày 01/6/2012 và Tạ Ngọc T (nam), sinh ngày 01/3/2018. Giao con chung Tạ Nghi H và Tạ Ngọc T cho bà Phan Thị T T trực tiếp nuôi dưỡng, ông N không phải cấp dưỡng nuôi con.

Dành quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung cho ông N không ai được quyền ngăn cản. Ông N, bà T có quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con vì lợi ích của con.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

- Về án phí Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm: Ông Tạ Văn N phải chịu 150.000đ (Một trăm năm mươi ngàn đồng) án phí và ông N tự nguyện nộp thay 150.000đ (Một trăm năm mươi ngàn đồng) án phí cho bà T, tổng cộng số tiền án phí ông N phải nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) nhưng được khấu trừ từ số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng mà ông đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Thốt Nốt, thành phố Cần Thơ theo biên lai thu tiền số 012074 ngày 10/3/2020 được chuyển thành án phí.

Đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được Thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được Thi hành án dân sự, người phải Thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận Thi hành án, quyền yêu cầu Thi hành án, tự nguyện Thi hành án hoặc bị cưỡng chế Thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu Thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND quận Thốt Nốt;
- UBND xã B, huyện C;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Hoàng Thị Kim Hưng

